



Cùng Một Tâm Giải Thoát
và
Tinh Túy
Giáo Lý Đại Thừa



Pháp Vương Jigten Sumgon

Pháp Vương Jigten Sumgon và Drikung Kagyu

Dòng Drikung Kagyu đã được Sơ Tổ Kyobpa Jigten Sumgon (1143-1217) khai lập vào năm 1179 tại Tổ đình Drikung Thil tại trung phần Tây Tạng, và là một trong những tông phái chính yếu của dòng truyền thừa Kagyu tức Nhĩ Truyền. Dòng Kagyu hành trì theo các pháp của hiền giáo đã được truyền xuống từ Đức Phật Thích Ca cùng với các pháp của mật giáo được truyền xuống từ các vị Tổ Mật tông bao gồm Dorje Chang (vị Phật nguyên thủy biểu trưng cho Phật tánh), Tilopa, Naropa, Marpa, Milarepa, Gampopa và Phagmodrupa.

Ngài Phagmodrupa có hằng trăm ngàn đệ tử, nhưng đức Jigten Sumgon là một trong những đại đệ tử tâm truyền của ngài. Ngài Phagmodrupa đã từng lập lại nhiều lần lời tiên tri rằng người kế thừa của ngài xuất thân là một *upasaka* (cận sự nam), là người đạt đến được thập địa Bồ tát (quả vị Phật). Tuy thời gian đức Jigten Sumgon được ở cạnh để phụng sự sư phụ của ngài chỉ vỏn vẹn hơn hai năm rưỡi, nhưng ngài đã được sư phụ khai đạo và trao truyền toàn bộ giáo lý tinh yếu của Kinh điển và Mật điển, các hướng dẫn trực chỉ và ẩn mật, cũng như được gia trì các chứng ngộ thâm thâm, như sữa rót hòa vào với sữa trong một chiếc bình chứa hoàn toàn thanh tịnh. Công phu tu tập miên mật và lòng chí thành, khát khao liễu ngộ chân lý rốt ráo của ngài đã làm nhiều người phải tâm phục.

Vào thời điểm ngài Phagmodrupa thị tịch, tất cả các đệ tử có mặt chung quanh ngài đều chứng kiến một hiện tượng kỳ diệu—họ nhìn thấy hình dạng một chiếc chùy kim cương bằng ánh sáng từ ngay tâm điểm của ngài Phagmodrupa vụt phóng ra và tan biến vào nơi tâm điểm của đức Jigten Sumgon đang đứng ở cạnh bên. Một thời gian sau đó, đức Jigten Sumgon rời tu viện để đến ẩn tu ở một hang động tên Echung trong suốt bảy năm. Vào cuối giai đoạn ẩn tu, ngài đã thị hiện mắc phải bệnh phong cùi và phải chịu đựng trải qua sự đau đớn. Một đêm nọ trong cơn đau, ngài phát khởi lòng từ bi vĩ đại khi nhớ nghĩ đến những chúng sinh khác cũng đang mắc bệnh như ngài, và thâm thương họ không may mắn có được giáo lý giác ngộ giải thoát. Từ tận đáy lòng, ngài khởi nguyện chịu đau thế họ và cho rằng nay đã đến lúc ngài sắp bỏ xác phàm qua pháp chuyển di

(Xin xem tiếp trang bìa sau)

“GONG CHIK”

Nghĩa Tạng văn:

Ý nguyện chung nhất
Cùng Một Tâm Giải Thoát



Chánh văn giáo pháp thâm diệu của
Pháp Vương Jigten Sumgon

Sơ lược về “GONG CHIK”

Các giáo lý trong “Gong Chik” (nghĩa Tạng văn: “*Ý nguyện chung nhất*”) là tập hợp những khai thị tâm yếu của Pháp Vương Jigten Sumgon về sự chung nhất của các đường tu giải thoát và của quả vị rốt ráo trong Phật đạo. Ở khía cạnh tương đối, như lời ngài khai thị, “*tất cả các thừa đều là nhất thừa đến từ một truyền thừa duy nhất*” và “*tám mươi bốn ngàn pháp môn cũng chỉ là một [phương tiện] để đạt giác ngộ.*” Ở khía cạnh viên mãn thì cái chung nhất ở đây chính là Phật tánh nguyên sơ vốn sẵn có nơi chính nguồn tâm của mỗi chúng sinh.

Pháp Vương Kyobpa Jigten Sumgon (Ratnashri) là vị Sơ Tổ khai lập dòng truyền thừa Drikung Kagyu vào thế kỷ 12 tại Tổ đình Drikung Thil ở trung phần Tây Tạng. Ngài được xem như là hiện thân của đức Long Thọ, và nổi danh là người đã triệt ngộ tánh không và các pháp duyên sinh. Ngài đã khai đạo và ban truyền giáo lý cho hàng trăm ngàn môn đồ đến từ Tây Tạng, Trung Hoa, Mông Cổ, Ấn Độ và Nepal.

“Gong Chik” bao gồm các lời khai thị khẩu truyền của Sơ Tổ Jigten Sumgon dành cho ngài Chennga Sherab Jungne (Chennga Drikung Lingpa), một đại đệ tử tâm truyền và là một trong hai vị thị giả thân tín nhất của Sơ Tổ. Ngài Chennga Sherab Jungne đã ghi chép lại toàn bộ những câu khai thị của Sơ Tổ cho mỗi một câu hỏi của ngài. Sau đó, vào ngày 23

tháng Giêng năm Tuất theo niên lịch Mông Cổ, tại vùng Kham, Tây Tạng, đệ tử Konchok Rinchen Trinley Nampar Gyalwa đã dựa vào bản ghi chép của ngài Sherab Chennga Jungne, sắp xếp các lời khai thị khẩu truyền của Sơ Tổ Jigten Sumgon thành thứ tự và soạn thành thi kệ. Konchok Rinchen Trinley Nampar Gyalwa là một đệ tử tâm truyền của Đại Sư Rigdzin Chokyi Dragpa (Drikung Dharma-kirti), tức Sư Tổ Drikung Kyabgon Chungtsang Rinpoche đời thứ Nhất thuộc thế kỷ 16-17.

Có một câu chuyện đã lưu truyền, rằng vào thời điểm Sơ Tổ Jigten Sumgon còn sinh tiền, có một vị học giả và luận sư danh tiếng thuộc dòng Sakya tên là Ngoje Repa (sau này còn được gọi là Balbu Gon Pa sau khi đã khai lập tự viện Balbu Gon). Ngài đã phản bác và chỉ trích gắt gao những giáo lý thâm diệu mà Sơ Tổ Jigten Sumgon đã khai thị trong “*Gong Chik*,” và cuối cùng, đã quyết tâm tìm đến tổ đình Drikung Thil với mục đích duy nhất là tranh tài và biện luận với Sơ Tổ.

Nhưng khi vừa nhìn thấy Sơ Tổ thì ngài Ngoje Repa cảm thấy rúng động tận đáy lòng, cảm nhận như mình đích thực vừa gặp được Đức Phật Thích Ca. Ngài chưa kịp cất tiếng hỏi thì Sơ Tổ đã lên tiếng trước, đả thông tất cả những vướng mắc của ngài về các khai thị trong “*Gong Chik*,” khiến ngài hoàn toàn tâm phục khẩu phục. Sau đó, ngài đã xin xuất gia tại tổ đình Drikung Thil và được Sơ Tổ ban cho pháp hiệu Zhedang Dorje.

Nói chung, tập hợp các giáo lý của Sơ Tổ Jigten Sumgon được đặt tên Tạng văn có nghĩa là “*Ý nguyện chung nhất—Giáo pháp thâm diệu*,” gọi tắt là “*Gong Chik*,” gồm 152 câu khai thị trong bảy phần chính yếu. Ngoài ra còn có thêm một phần

phụ lục gồm bốn mươi sáu câu lý giải do Đại Sư Tenzin Chokyi Nyima (Dharma Surya), tức Sư Tổ Drikung Kyabgon Chungtsang Rinpoche đời thứ Ba biên soạn vào thế kỷ 18, dựa trên những lời khai thị gốc của Sư Tổ Jigten Sumgon. Từ thế kỷ 12 cho đến nay, tập hợp giáo lý “*Gong Chik*” là tài liệu tu học thiết yếu và chuyên sâu của chư tăng ni dòng Drikung Kagyu và đồng thời cũng được nghiên cứu bởi những học giả và luận sư của những dòng truyền thừa khác trong Phật giáo Tây Tạng. Do bởi những ý tưởng thâm thúy và khai phóng trong từng lời khai thị mà “*Gong Chik*” thường xuyên là một đề tài tranh luận của nhiều thế hệ.



Phần Một

BA LẦN CHUYỂN PHÁP LUÂN TRONG PHẬT ĐẠO

1. Tất cả các giáo huấn đều để chỉ rõ khuynh hướng căn bản¹ và cách thức hiện hữu tự nhiên [của vạn pháp].²
2. Tám mươi bốn ngàn pháp môn cũng chỉ là một [phương tiện] để đạt giác ngộ.
3. Tam tạng Kinh điển và tập hợp các Mật điển tạo thành các giai đoạn trên lộ trình giải thoát.
4. Ba lần chuyển pháp luân được phân định dựa vào sự chứng nghiệm³ của thính chúng.
5. [Giáo lý chung nhất]⁴ của tất cả ba lần đều nằm [đầy đủ] trong mỗi một lần chuyển pháp luân.
6. Tinh túy giáo lý của [lần chuyển pháp luân] sau [vốn đã] nằm sẵn trong [lần chuyển pháp luân] trước đó.⁵

¹ Khuynh hướng căn bản ý nói chân lý tương đối (tục đế), tức là sự vận hành của nhân quả. (KS)

² Cách thức hiện hữu tự nhiên ý nói chân lý rốt ráo (chân đế), tức là sự hiện hữu dựa trên tánh không. (KS)

³ Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị rằng các giáo lý của cả ba lần chuyển pháp luân không được phân định dựa vào thời gian, nơi chốn, hay căn cơ của thính chúng, mà dựa vào sự *chứng nghiệm* trong tâm thức của thính chúng xuyên qua các giáo lý về các giai đoạn đưa đến giải thoát. (KS)

⁴ Sơ Tổ Jigten Sumgon muốn khai thị là tựu chung cả ba lần chuyển pháp đều giảng dạy về Tứ diệu đế tức Bốn chân lý nhiệm mầu hay Tứ thánh đế: Khổ đế (chân lý về khổ), Tập đế (chân lý về nguồn gốc của khổ), Diệt đế (chân lý về sự chấm dứt đau khổ), và Đạo đế (chân lý về con đường đưa đến sự chấm dứt đau khổ). (RCD, KS)

7. Dựa vào kinh điển và các nghĩa lý trong ấy mà các lần chuyển pháp luân được xác định làm ba.
8. Luật tạng thuộc vào lần chuyển pháp luân [thứ nhất] về Bốn chân lý nhiệm màu (Tứ diệu đế).
9. [Giáo lý của] các thừa khác nhau đều nằm trong lần chuyển pháp luân [thứ ba] về chân lý rốt ráo.⁶
10. Có thể xem *động cơ* của Sáu Cách thức⁷ [không là gì khác ngoài] nghĩa lý rốt ráo.⁸
11. Các giáo lý của Duy thức mô tả Trung quán không vướng mắc cực đoan.
12. Ngay cả một [hiện tượng] tương đối, huyễn hóa, cũng có cái dụng của nó.

⁵ Lần chuyển pháp luân đầu tiên, Đức Phật dạy về Tứ diệu đế, lần thứ nhì về tánh không và lần thứ ba về Phật tánh. Đó là các đề tài chính yếu của mỗi lần chuyển pháp luân nhưng ở đây Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị là tinh túy của lần chuyển pháp luân thứ nhì vốn cũng có trong lần chuyển pháp luân thứ nhất, và tinh túy của lần chuyển pháp luân thứ ba vốn cũng có trong lần chuyển pháp luân thứ nhì. (KS)

⁶ Chân lý rốt ráo ở đây chính là Phật tánh, và sự kết hợp giữa tánh không và tánh quang minh. Ở đây Sơ Tổ muốn khai thị rằng tuy trong hai lần chuyển pháp luân trước đã giảng dạy về các đề tài khác nhau, nhưng tất cả cũng chỉ để đưa đến lần chuyển pháp luân thứ ba về chân lý rốt ráo, và lần chuyển pháp luân thứ ba cũng bao gồm các giáo lý trong hai lần chuyển pháp luân trước đó. (RCD, KS)

⁷ Còn gọi là “Sáu Giới hạn” trong cách thức truyền bá giáo lý, gồm (1) phương tiện nghĩa, (2) liễu nghĩa, (3) với động lực đặc biệt, (4) không với động lực đặc biệt, (5) hiển nghĩa và (6) ẩn nghĩa. (KS)

⁸ Sơ Tổ khai thị rằng do bởi căn cơ của chúng sinh mà có sáu cách thức giáo hóa khác nhau, nhưng tựu chung các giáo huấn đều là đạo lý rốt ráo *tương ứng* với căn cơ người nghe. (RCD, KS)

13. Tất cả các lộ trình giải thoát đều phải xuyên qua mười giai đoạn.⁹
14. Hơn nữa, [các lộ trình giải thoát] đều tiến hóa một cách tuần tự.¹⁰
15. Cũng có khi sở tri chướng¹¹ được buông bỏ trước tiên.
16. Tri thức¹² chính là trí giác của Phật.
17. Kết quả của tri thức chính là khai mở được tánh không diệu dụng.
18. Tất cả những ai tuân thủ các hệ thống luận lý đều là phàm phu (bám chấp vào kiến giải của mình).
19. Ngay cả những kẻ ngoại đạo cũng có thể thành tựu nhiều thiện hạnh.
20. Quy y Tam bảo đánh dấu sự khác biệt giữa người Phật tử và người không phải Phật tử.
21. [Sự *phát khởi*] tâm giác ngộ¹³ đánh dấu sự khác biệt giữa Đại thừa và Tiểu thừa.¹⁴

⁹ Mười địa Bồ tát

¹⁰ Tiệm tiến tức sự tiến hóa xuyên qua các giai đoạn.

¹¹ Chướng ngại này là sự bám chấp vào các hiểu biết và kiến giải của mình. (KS)

¹² Sự hiểu biết rõ ràng, thấu đáo xuyên qua trực nghiệm, tu học hay luận chứng. (KS)

¹³ Bồ đề tâm là sự phát nguyện đạt được giác ngộ vì lợi lạc cho tất cả chúng hữu tình.

¹⁴ Trong câu kệ 2 của Phần Hai, Sơ Tổ Jigten Sumgon có khai thị là Luật tạng cũng bao gồm cả giáo lý về Bồ đề tâm của Đại thừa. Tuy nhiên trong câu khai thị 21 của Phần Một này thì ý ngài muốn nói, chính **sự phát khởi** hay **không phát khởi** được Bồ đề tâm của người tu mới là điều đánh dấu sự khác biệt giữa cái gọi là rộng lớn

22. Pháp quán đảnh đánh dấu sự khác biệt giữa Hiển giáo và Mật giáo.
23. Nếu thiếu một trong hai¹⁵ thì sẽ không đạt được toàn giác.
24. Điểm trọng yếu chung của cả ba giới¹⁶ là dứt trừ mười ác hạnh.
25. Do sự chuyển biến [tâm thức] của người thọ giới mà mới có ba giới.
26. Các phẩm hạnh – kết quả của sự buông bỏ [các che chướng] – vốn sẵn có nơi tự tánh thuần khiết tối thắng.
27. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (để đạt giác ngộ) vốn sẵn có trong Như lai tạng.¹⁷
28. Tứ vô lượng¹⁸ là tâm yếu của Phật.
29. Tất cả các thừa đều là nhất thừa đến từ một truyền thừa duy nhất.
30. Ngay cả hàng Thanh văn, Duyên giác và những kẻ chấp huyền vẫn có thể đạt được toàn tri.

Trên đây là phần thứ nhất: kết tập những điểm tinh yếu về các lần chuyển pháp trong Phật Đạo.

hay nhỏ hẹp, giữa Đại thừa hay Tiểu thừa—tuy theo ngài thì các giáo lý của cả hai thừa không có sự sai khác. Do đó, theo Sơ Tổ thì dù tu tập theo các pháp môn chuyên sâu của Tiểu thừa nhưng đã *phát tâm giải thoát vì tất cả chúng sinh* thì vẫn được xem là đi theo con đường Đại thừa. (GR, RCD, KT, KS)

¹⁵ Hiển giáo và Mật giáo

¹⁶ Biệt giải thoát giới, Bồ tát giới và Kim Cang giới

¹⁷ Phật tánh

¹⁸ Từ bi hỷ xả

Phần Hai : LÝ DUYÊN SINH

1. Ngoại trừ thiện hạnh hoặc ác hạnh thì không có [hành vi] nào là vô ký.¹⁹
2. Không thể nào phát khởi cả hai niệm tưởng [thiện và ác] cùng một lúc.
3. *Tâm* cũng hiện hữu ngay nơi các tâm hành (các hiện tượng tâm lý).
4. Đặc biệt thân xác được xem như là cái đang trôi lăn trong luân hồi.²⁰
5. Thập nhị nhân duyên bắt đầu khởi hoạt chỉ bởi do vô minh.
6. Hơn nữa, ngay trong một khoảnh khắc mà tất cả mười hai móc xích nhân duyên đều trọn vẹn (hiện hữu cùng một lúc).
7. Có sự khác biệt trong các trải nghiệm là do bởi sự khác biệt nơi tâm (tướng tùy tâm sanh).
8. Vào ngay lúc này, người ta phải trải nghiệm kết quả của bất kỳ điều gì họ đã tạo.²¹

¹⁹ Bất kỳ hành vi nào bị trộn lẫn với tâm thức ô nhiễm thì là bất thiện hạnh, và bất kỳ hành vi nào không bị vướng mắc bởi tâm thức ô nhiễm thì là thiện hạnh. Nhưng một hành vi thường được coi là vô ký (chẳng thiện chẳng ác) thì ở đây Sơ Tổ Jigten Sumgon coi ngang bằng như là một bất thiện hạnh. (GR, RCD, KS)

²⁰ Thông thường chúng ta được dạy rằng tâm thức là cái phải trôi lăn trong luân hồi. Nhưng ở đây Sơ Tổ khai thị rằng nếu không có thân hỗ trợ cho tâm để trải nghiệm đau khổ hay vui sướng thì tâm thức không thể tự nó trải qua luân hồi. (RCD, KS)

9. Thời đại tăng trưởng hay suy đồi²² [có thể] tăng trưởng hay suy đồi vào ngay lúc này.
10. Phần lớn có thể nhìn thấy các hiện tượng của [ngiệp báo] hóa hiện ngay trong đời này.
11. Mười sáu hạnh làm người và Phật pháp nhiệm màu đều có chung các điểm tinh yếu.
12. Kết quả của sự chứng đạo vẫn không hề gián đoạn ngay cả sau thời kỳ khởi đầu và các thời kỳ kế tiếp sau đó.²³
13. Cũng có trường hợp là tu huệ lại xảy ra trước.²⁴
14. Trong mỗi một thời công phu, phải hành trì tất cả các giai đoạn khác nhau trên đạo lộ giải thoát.²⁵
15. Vô lượng chư Phật cũng có thể hiện đến trong một cõi giới.

Trên đây là phần thứ nhì: kết tập những điểm tinh yếu về lý duyên sinh.

²¹ Nghĩa đen tiếng Tạng là “ngay bây giờ,” nhưng cũng có khi dịch là “ngay trong đời này.”(KS)

²² Thời đại mà phước đức, thiện hạnh, phước lộc, hoa màu, thọ mạng, bệnh tật, chiến tranh, v.v. tăng trưởng hay suy đồi. (KS)

²³ Thời kỳ khởi đầu là thời kỳ chứng thánh quả. Sau đó là các thời kỳ tu đạo, thời kỳ tu học dựa trên kinh điển và thời kỳ thuần túy dựa vào biểu tượng tức là thời mật pháp khi mà không ai chứng đạo, hành trì hay tu học nữa. (KS)

²⁴ Tam học gồm giới, định, huệ.

²⁵ Các giai đoạn gồm: bốn niệm chuyển tâm, từ bị, phát Bồ đề tâm, thiền định trong giai đoạn sinh khởi và giai đoạn viên mãn, và hồi hướng. (KS)

Phần Ba: BIỆT GIẢI THOÁT GIỚI

1. Luật tạng của Phật đạo thâm diệu là [giáo lý] chung nhất cho tất cả các thừa.
2. Đặc biệt là Luật tạng rõ ràng cũng bao hàm cả [giáo lý] Đại thừa.²⁶
3. Chính [giới luật] là tuệ giác nguyên sơ của Đấng Toàn Giác.
4. Chắc chắn ngay cả những kẻ tạo chướng ngại²⁷ cũng vẫn thọ được giới.
5. [Giới luật] mang đặc tánh của *hình tướng không hình sắc* (vô biểu sắc).²⁸
6. Trong tất cả mọi sự vi phạm, động cơ²⁹ là chính yếu.
7. Chủ yếu là cần phải dứt trừ ba loại tâm [ô nhiễm].³⁰

²⁶ Luật tạng cũng dạy về: phát Bồ đề tâm ở phần đầu, bố thí cúng dường ở phần giữa, và hồi hướng đến chúng sinh, cùng phát nguyện tu hành để đạt được giác ngộ ở phần cuối. (KS)

²⁷ Tạo chướng ngại cho con đường giải thoát—ở đây ý nói đã tạo các ác nghiệp, kể cả năm tội vô gián. (KS)

²⁸ Phạn: *avijñaptirūpa*. Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị ở đây là giới luật không phải là đối tượng của thân hay của các giác quan mà là đối tượng của ý thức, và theo Đại thừa thì giới luật được thọ nhận từ nay cho đến khi thành Phật, chứ không phải chỉ thọ từ nay cho đến ngày lìa đời, nên dù thân có chết đi thì tinh túy của giới luật vẫn trường tồn nơi tâm thức. (GR, RCD, KS)

²⁹ Các bản dịch dùng các cụm từ khác nhau: động cơ, sự tác ý, sự tình thức, sự rõ biết. (KTT, RCD, KS)

³⁰ Tâm tham, động lực tiêu cực và tà kiến. (KS)

8. Cũng có những trường hợp giới nguyện lại không bị phá hủy bởi nguyên nhân đưa đến sự xả giới [hay phạm giới].³¹
9. Bốn sự sa đọa³² giống như là một món nợ ketchup.³³
10. Dù chỉ giữ một giới duy nhất thì quả Niết bàn cũng sẽ trở.
11. Các ác hạnh và các sa đọa không khác nhau mà chúng đồng là một.
12. Sự vi phạm và các hành vi tạo tội đều như nhau.
13. Những điều bị ngăn cấm [vốn] từ nguyên thủy là điều không được làm, những điều được làm [vốn] từ nguyên thủy là điều được cho phép.³⁴

³¹ Sự xả giới (hay phạm giới) xảy ra nếu người thọ giới (1) trả lại giới, (2) lìa đời, (3) cắt đứt thiện căn, (4) thay đổi giới tính nhiều hơn ba lần, và (5) chỉ thọ giới trong một ngày. Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị ở đây rằng giới có thể bị phạm hoặc xả nhưng không có nghĩa là giới bị phá hủy, ví dụ (1) xem Luật tạng là giáo lý của Đại thừa, và trong Đại thừa thì giới được thọ từ nay cho đến ngày đạt được giác ngộ, cho nên ngay cả đã lìa đời thì giới nguyện cũng không bị phá hủy, hoặc (3) dựa vào động cơ của sự phạm giới mà mình định xem giới có bị phá hủy hay không, hoặc (3) dựa vào việc người xả giới bị ép buộc chứ không chủ động, v.v. (RCD, KS)

³² Bốn sự sa đọa gồm: tà dâm, trộm cắp, sát sinh, nói dối.

³³ Câu tiếng Việt này được dịch dựa vào nghĩa của bản Anh ngữ của K.K. Tamphel và Otter Verlag. Nhưng trong bản dịch của Mark Siegel thì Khenpo Samdup giải thích rằng câu này nên dịch là **“Bốn sự sa đọa vừa là món nợ vừa là kho báu”** thì mới có thể lột tả thâm ý của Sơ Tổ Jigten Sumgon như sau: vì đã phạm ác hạnh nên sẽ phải trả quả ác, nhưng đồng thời nếu biết hồi tâm sám hối và tiếp tục thực hành thiện hạnh thì sự sa đọa sẽ được tịnh hóa để trở thành giới hạnh thanh tịnh không khác nào như một kho báu. (KS)

14. Đấng Pháp vương³⁵ đã [chế ra] các điều luật cho tất cả chúng sinh.
15. Dù là bất kỳ chúng sinh nào trong sáu cõi thì vi phạm [giới luật] cũng là điều sai trái.
16. Lợi lạc đến từ việc tuân thủ [giới luật] cũng là [điều hiển nhiên] dành cho mỗi một chúng sinh.
17. Các nghi thức [thọ giới và phục hồi giới] là điều vô cùng quan trọng trong các giáo lý.
18. Vô minh là một ác hạnh còn nặng nề hơn cả những sai lầm khác.
19. Do bởi vô minh sâu dày mà loài súc sinh [là những chúng sinh] thấp kém.
20. Việc không thọ giới được xem như là một sai lầm còn to lớn hơn cả việc phạm giới.

Trên đây là phần thứ ba: kết tập những điểm tinh yếu về biệt giải thoát giới.

³⁴ Bản dịch của K.K. Tamphel và bản dịch của Mark Siegel đảo lộn thứ tự của câu 12 và 13.

³⁵ Đức Phật

Phần Bốn : TÂM GIÁC NGỘ (BỒ ĐỀ TÂM)

1. Bồ đề tâm khác với lòng từ bi.³⁶
2. Các giới nguyện Bồ tát bắt buộc phải dựa trên một nền tảng.³⁷
3. Bồ đề tâm nguyện cũng có thể được phát khởi trong những kẻ phàm phu.
4. Bất cứ [điều thiện lành] nào cũng có thể trở thành một phần của Bồ đề tâm nguyện.
5. Nếu tâm không bị ô nhiễm thì sự sa đọa chẳng thể xảy ra.
6. Không có ác hạnh nào mà không trở thành một lỗi lầm, [cho nên] nhất quyết không được phép tạo ác hạnh.
7. Trong các phương tiện thiện xảo [của Bồ tát] thì không có gì [được xem là] ác hạnh.
8. Có những lúc sự hoán đổi giữa ta và người lại trở thành là một sai lầm.³⁸
9. Nếu làm tổn hại một vị Bồ tát thì chẳng thể nào kết nối được với hạnh phúc.
10. Thiện hạnh và ác hạnh sẽ trở quả riêng rẽ [tương ứng với mỗi một hạnh].

³⁶ Bồ đề tâm là tâm nguyện muốn đạt giác ngộ vì lợi lạc của toàn bộ chúng sinh. Lòng từ bi là tâm nguyện muốn chúng sinh hạnh phúc và thoát khỏi đau khổ. Sơ Tổ Jigten Sumgon muốn khai thị ở đây rằng lòng từ bi là nhân, và Bồ đề tâm là quả. (RCD, KS)

³⁷ Nền tảng là quy y Tam bảo và thọ biệt giải thoát giới. (KS)

³⁸ Sở tri chướng, nghiệp chướng và phiền não chướng.

11. Ngay cả khi ta đã quên mất Bồ đề tâm thì tâm ấy cũng chẳng thể nào mất đi được.
12. Cả ba loại chướng ngại³⁹ tựu chung cũng thuần là phiền não chướng.
13. Tất cả các hệ thống luận lý đều che mờ chân lý rất ráo.⁴⁰
14. Ngay cả hàng Thanh văn cũng chứng ngộ một khía cạnh của [pháp vô ngã].⁴¹
15. Các vị Bồ tát ở địa thứ sáu hoặc thấp hơn thì ngang bằng với chư Thanh văn và Duyên giác.
16. Các vị đã chứng Duy thức thì ngang bằng với sự chứng ngộ của chư Bồ tát ở địa thứ bảy.
17. Pháp vô ngã⁴² là sự chứng ngộ của chư Bồ tát ở địa thứ tám.

³⁹ Ở đây Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị về những chướng ngại có thể xảy ra đến khi người sơ tu muốn thực hành hạnh Bồ tát trong khi (1) chưa đạt đến địa Bồ tát, hoặc (2) khi bị lôi cuốn bởi sự thiếu sáng suốt. Ví dụ như trong trường hợp ngài Xá Lợi Phất sau khi đã hiến cặp mắt của ngài cho một kẻ ngoại đạo. Do kẻ ngoại đạo không cần cặp mắt và đã đâm đạp lên mắt ngài mà ngài sinh tâm chán nản và hối hận vì đã phí uổng đôi mắt của mình một cách vô nghĩa. (RCD, KS)

⁴⁰ Chân lý rất ráo ở đây là pháp tánh. Sơ Tổ khai thị là các khái niệm hay kiến giải trong các hệ thống giáo điều hay luận chứng đều đến từ lý trí và sự bám chấp vào tâm thức, trong khi pháp tánh là chân lý rất ráo, vi tế và thâm diệu, nên chỉ có thể chứng nghiệm chứ không thể giải thích hay tranh luận. (GR, RCD, KS)

⁴¹ Ở đây bản tiếng Tạng sử dụng cụm từ “trạng thái tự nhiên” để chỉ pháp vô ngã. Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị ở đây rằng chư Thanh văn không những thấy được nhân vô ngã mà cũng thấy được một khía cạnh của pháp vô ngã. (RCD, KS)

18. Tất cả các lộ trình giải thoát và các địa [Bồ tát] nhất nhất đều phải xuyên qua một sự chứng ngộ duy nhất.
19. Các phẩm tánh của các địa [Bồ tát] đều có thể khởi hiện xuyên qua năm cách thức.
20. Sự tích lũy [hai bồ phước huệ] được hợp nhất ở ngay nơi nền tảng, đạo và quả.
21. Sự chọn lựa giữa hai ruộng công đức – cao hơn hoặc thấp hơn⁴³ – là [một lựa chọn] thâm thúy.
22. Sở hữu mọi thứ⁴⁴ là một phương tiện thiện xảo để tích lũy công đức.
23. Hãy hồi hướng *thiện căn vốn có*⁴⁵ cùng tất cả công đức đã tích lũy trong luân hồi lẫn niết bàn.
24. Cũng cần phải hồi hướng đến cả chư Phật và chư đạo sư.

Trên đây là phần thứ tư: kết tập những điểm tinh yếu về tâm giác ngộ (Bồ đề tâm).

⁴² Định nghĩa vô ngã gồm hai phần: nhân vô ngã (con người do ngũ uẩn kết hợp, luôn chuyển biến và không độc lập) và pháp vô ngã (vạn pháp không sinh diệt, luôn chuyển biến và không độc lập).

⁴³ Các ruộng công đức chẳng hạn như là chư Phật, chư Thiên, chư tăng ni, những vị giữ giới thanh tịnh, chư thiện tri thức, v.v. (KS)

⁴⁴ Sơ Tổ khai thị là trong pháp tu mạn đà la, hành giả quán tưởng toàn bộ vũ trụ và tất cả vạn vật không sót một thứ gì đều thuộc về mình, do mình sở hữu, rồi dâng toàn bộ vũ trụ và vạn vật không sót thứ gì lên cúng dường chư Phật và Bồ tát. (GR, KS)

⁴⁵ *Thiện căn vốn có* tức là Phật tánh trong mỗi chúng sinh. (GR, RCD, KS)

Phần Năm: MẬT THỪA

1. Mật giáo cũng xuất hiện trong giáo lý của những [vị Phật] khác.⁴⁶
2. Chỉ khi nào *ý nghĩa* của quán đảnh hiện ra trong tâm thức thì mới được xem như đã thọ quán đảnh [đích thực].
3. Dù chỉ là vị Bồ Tát thuộc một [dạng]⁴⁷ duy nhất thì cũng có thể ban quán đảnh.
4. Nếu sự chứng ngộ chưa từng phát khởi thì [nghĩa là] các ẩn dụ và nghĩa lý⁴⁸ [của pháp tu] chưa hề thấm nhuần [trong tâm thức].
5. Giai đoạn sinh khởi [hành trì Bồ tát]⁴⁹ vốn đã được an lập [một cách] toàn hảo ngay từ khởi thủy.

⁴⁶ Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị là Mật giáo không phải chỉ do đức Phật Thích Ca ban truyền trong cõi này mà còn được các vị Phật khác ban truyền trong các cảnh giới khác nhau, ở bất kỳ nơi đâu có các đệ tử hữu duyên, kể cả sẽ được giảng dạy bởi vị Phật trong tương lai là Phật Di Lặc. (GR, KS)

⁴⁷ Theo Kim Cang thừa, quán đảnh chỉ được xem là trọn vẹn nếu có đầy đủ các vị Bồ tát đến từ cả ba “tòa” (dạng) khác nhau như sau: chư vị Bồ tát trong dạng hung nộ, trong dạng Bồ tát an bình và trong dạng hợp nhất với phối ngẫu tâm linh. Trong câu khai thị này, Sơ Tổ Jigten Sumgon phản bác lại lập luận trên. (KS)

⁴⁸ Pháp quán đảnh hay pháp gia lực gồm có bốn loại: (1) tịnh bình, (2) ẩn mật, (3) trí tuệ và (4) ngôn từ. “Ẩn dụ” và “ý nghĩa” ở đây để chỉ quán đảnh thứ ba và thứ tư. (KS)

⁴⁹ Sơ Tổ khai thị rằng pháp tu quán tưởng và hành trì Bồ tát trong giai đoạn sơ khởi không phải chỉ là tưởng tượng, mà bởi vì từ khởi thủy, Bồ tát cũng chính là ta và ta vốn có đầy đủ các phẩm hạnh

6. Ngay cả những người với khả năng chứng ngộ tự phát thì vẫn cần các nghi thức khai tâm.⁵⁰
7. Tất cả chư vị Bồ Tôn [vốn] có đầy đủ phẩm hạnh của các tướng hảo chính và phụ.
8. Hãy ưu tiên hành trì các vị Bồ Tôn nào đã được giảng dạy trong Kinh điển và Mật điển.⁵¹
9. Ngay cả những người với căn cơ nhạy bén nhất (thượng căn) cũng vẫn cần các nghi lễ trang nghiêm đầy đủ.
10. Tất cả các chi tiết [hành trì và quán tưởng Bồ tôn] đều tương đồng với [pháp giới thể tánh].⁵²
11. Thân kim cang⁵³ được xem như là cỗ xe thâm diệu.

của Bồ tôn. Do đó, các pháp tu trong giai đoạn sinh khởi giúp cho ta thâm nhập tự tánh nguyên sơ như Bồ tôn. (GR, KS)

⁵⁰ Thọ giới quy y và Bồ tát giới. (KS)

⁵¹ Thay vì dựa vào các vị thần thánh nào đó đã hiện ra trong giấc mơ hay trong một linh kiến cá nhân, thì ưu tiên vẫn là tu theo các vị Bồ tôn được giảng dạy trong Kinh điển và Mật điển. (KS)

⁵² Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị ở đây rằng pháp tu hỗ trợ (hành trì Bồ tôn) tương đồng với vũ trụ (pháp bên ngoài) và tự tâm (pháp bên trong). (RCD)

⁵³ Tánh không được gọi là kim cang (Phạn: *vajra*/ Tạng: *dorje*). Kim cang cũng dùng để nói về thân. Sơ Tổ khai thị là trong Kim Cang thừa, thân xác được xem như là “kim cang” chứ không phải là thân “bất tịnh” như trong các giáo lý khác. Thân kim cang bao gồm đường kinh mạch, khí và giọt tinh chất vi tế, tương ứng với thân khẩu ý và với ba thân Phật. Kim cang bao gồm các đặc tính như đặc chắc, không thể cắt xuyên, không thể phá hủy, ổn định, không bị che chướng, chắc thật, v.v. (RCD, KS)

12. Có một số [khía cạnh] thuộc cảnh giới tự nhiên⁵⁴ được niêm kín bởi Kim Cang Trì.⁵⁵
13. Một số các ứng dụng và các phương pháp điều thân được giảng dạy trong Y học Mật điển lại thâm diệu [hơn các Mật điển khác].
14. Điều mà người khác xem là không cao thâm thì lại cực kỳ cao thâm ở đây.⁵⁶
15. Nếu không có được [nền tảng cơ bản]⁵⁷ thì chẳng thể nào đạt được Phật quả xuyên qua các chỉ dạy về đường kinh mạch và khí.
16. Bất kỳ trải nghiệm⁵⁸ nào đi ngược lại với lời dạy của Đức Phật thì đều là một sự mê lầm.
17. Cần phải hiểu là thâm ý của tất cả [các giáo lý⁵⁹ trong Phật đạo] đều không có gì nghịch lý với nhau.

⁵⁴ Tánh không. (KS)

⁵⁵ Kim Cang Trì là để chỉ Phật tánh. Sơ Tổ khai thị rằng có một số chứng ngộ về tánh không chỉ có thể được thâm nhập xuyên qua sự tu luyện và thực chứng chứ không thể xuyên qua triết lý hay luận lý bình thường. Do đó, bản thân chưa tự chứng nghiệm thì những điều này tựa như là ẩn tàng rất sâu. (GR, RCD, KT, KS)

⁵⁶ Ý Sơ Tổ là các giáo lý căn bản như phát Bồ đề tâm, quy y cùng các giáo lý trong pháp tu sơ yếu *Ngondro* là vô cùng quan trọng. (RCD, KS)

⁵⁷ Xem chú thích #55.

⁵⁸ Đại sư Rigdzin Chokyi Dragpa giải thích đây có thể là các pháp tu không chính thống; và Khenpo Samdrup giải thích đây có thể là các kinh nghiệm trong khi tu thiền như các linh kiến, các tiên tri trong mộng, năng lực thần thông, khả năng thấu thị, v.v. Đôi khi đây không phải là các thực chứng hay kinh nghiệm hoàn toàn thanh tịnh phù hợp với kiến giải của Phật đạo.

⁵⁹ Tất cả các giáo lý trong Tam tạng và Mật điển.

18. [Là điều đúng đắn] nếu dựa vào lời dạy của Đức Phật, không nên [chỉ] dựa vào những giáo lý trực chỉ của đạo sư.
19. Thanh tịnh tam muội (trạng thái định) là một nguyên nhân đưa đến tam giới trong luân hồi.⁶⁰
20. Trong mỗi một thân của ba thân đều có [hiện diện] đầy đủ cả hai thân kia.⁶¹
21. Trong Mật thừa, chắc chắn giới hạnh [cũng] là điều không thể thiếu.

⁶⁰ Nếu bám chấp vào trạng thái định (*samadhi*) xuyên qua thiền chỉ (*shamata*) nhưng lại thiếu tuệ minh sát (*vipashana*) thì sẽ tiếp tục phải kẹt lại một trong ba cõi luân hồi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Ba loại định thanh tịnh (thanh tịnh tam muội) gồm: hỷ lạc, quang minh và vô niệm. Theo Sơ Tổ Jigten Sumgon thì khi đạt đến ba loại định này vẫn chưa phải là đạt được Pháp thân rốt ráo. (GR, RCD, KS)

⁶¹ Tam thân: Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân. Ở đây Sơ Tổ khai thị rằng trong ba thân đều có đầy đủ tinh túy của mỗi một thân. Ví dụ, trong cảnh giới của Pháp thân, tánh không là Pháp thân, tánh quang minh chiếu soi là Ứng hóa thân, và sự hợp nhất giữa tánh không và tánh chiếu soi là Báo thân. Ví dụ, trong cảnh giới của Báo thân, tâm hoàn toàn vô tạo tác là Pháp thân, có được năm đặc điểm kiên định** là Báo thân, và các hóa hiện không gián đoạn là Ứng hóa thân. Ví dụ, tinh túy của tự tâm là Pháp thân, tánh chiếu soi của tự tâm là Báo thân, và các biểu lộ của tánh giác nguyên sơ của tự tâm là Ứng hóa thân.

** Năm đặc điểm kiên định gồm: cõi giới kiên định tức cõi Cứu cánh sắc thiên, đạo sư kiên định tức Tỳ Lô Giá Na, thánh chúng kiên định tức chư Bồ tát thập địa, giáo lý kiên định tức giáo lý Đại thừa và thời gian kiên định tức bánh xe vĩnh hằng thường chuyển. (GR, RCD, KT, KS)

22. Trong cả Hiến giáo lẫn Mật giáo thì dục vọng đều là chướng ngại.
23. Không hề bao giờ có chuyện một ác hạnh lại trở thành thiện hạnh trong Mật [thừa].
24. Cũng thế, một ác hạnh trong Luật tạng thì không thể biến thành một thiện hạnh trong Mật [thừa].
25. Kết quả của việc tịnh hóa các tâm thức ô nhiễm chính là [cảnh giới] của Thiện Thệ.⁶²
26. Ngoại trừ việc thể hiện các hành động hung nộ như một biểu lộ nhiệm màu thì không được phép sử dụng chúng một cách trực tiếp.⁶³
27. Địa ngục Kim Cang chính là địa ngục vô gián⁶⁴ và các cõi địa ngục giống thế.
28. Nếu đạo sư là người đã chứng ngộ thậm thâm thì có thể lập tức lôi ta ra khỏi địa ngục.

Trên đây là phần thứ năm: kết tập những điểm tinh yếu về Mật thừa.

⁶² Thiện Thệ (Phạn: *Sugata*) là người đã đến được nơi tốt lành qua sự vượt thoát sinh tử.

⁶³ Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị rằng nếu chưa thực sự đạt đến địa thứ mười tức là Phật quả thì không được phép trực tiếp sử dụng phương tiện phẫn nộ qua hành động “cố sát” để “giải quyết sinh tử” cho bất kỳ một chúng sinh hiểm ác nào. (GR, RCD, KS)

⁶⁴ A Tỳ địa ngục nơi khổ đau kéo dài triền miên không dứt đoạn.

Phần Sáu: TRI KIẾN, THIỀN ĐỊNH VÀ HÀNH ĐỘNG

1. Bất kỳ giáo pháp nào có kết nối với một dòng truyền thừa thì cũng đều thâm diệu.⁶⁵
2. Toàn bộ các hiện tượng trong luân hồi và niết bàn chỉ đơn thuần là sự hoạt hiện⁶⁶ của tâm.
3. Nhân và quả là sự biểu hiện của những niệm tưởng nhất thời.⁶⁷
4. Nếu điều đó vốn không hề [hiện hữu] nơi bản thể thì chẳng thể nào nó có thể trở thành là như vậy thông qua sự giả định của chúng ta.⁶⁸
5. Nếu [một đạo sư] không có phẩm hạnh thì chẳng thể nào làm cho phẩm hạnh tăng trưởng [nơi người đệ tử].⁶⁹

⁶⁵ Dòng truyền thừa ở đây ý nói sự trao truyền không gián đoạn từ chư vị Tổ sư xuống đến Thầy xuống đến trò xuyên qua khẩu truyền, khai thị và hướng dẫn. (GR, RCD, KS)

⁶⁶ Các bản Anh ngữ dùng các cụm từ khác nhau: hoạt hiện, phóng chiếu, biến hiện, hiện tướng (KTT, RCD, KS)

⁶⁷ Sư Tổ Jigten Sumgon khai thị rằng chỉ một niệm tưởng nhất thời nhưng khi đã khởi sinh, nhất là vào giây phút cận tử, thì sẽ trở quả tương ứng trong tương lai. (GR, RCD, KT, KS)

⁶⁸ Sư Tổ khai thị là nếu bản thân chúng ta vốn không sẵn có các phẩm hạnh của một vị Bồn tôn thì chẳng thể nào ta có thể trở thành như các ngài nếu chỉ thuần túy tưởng nghĩ rằng mình là như thế, ví như thể của đất không thể nào chuyển thành thể của nước chỉ bởi ta cho rằng nó là như thế. Nhưng bởi vì nơi tự tánh của ta vốn đầy đủ các thiên hướng như Bồn tôn nên qua tu tập mà ta có thể đồng với ngài. (KTT, RCD, KS)

6. Có một điều chắc chắn là [ngay cả] chỉ thuần túy nương vào phương tiện của lòng sùng mộ thì cũng sẽ đạt đến chứng ngộ.
7. Tri kiến thậm thâm nhất vốn bao hàm sự chứng ngộ.⁷⁰
8. Sự chứng ngộ thậm thâm nhất không vướng nhiễm Ba [Tri kiến] Ví đại.⁷¹
9. Tánh không [xuyên qua] văn tự, tư duy và thiền định [chỉ] là làm lạc.⁷²
10. Thiền là huân tập sự chứng ngộ.
11. Hành vi nào thoát khỏi [tâm đối đãi] chấp lấy hoặc chấp bỏ, thì chắc chắn đó là giới hạnh.⁷³

⁶⁹ Sơ Tổ khai thị là một vị đạo sư thiếu phẩm hạnh sẽ không có khả năng dạy dỗ đệ tử. (KKT, RCD, KS)

⁷⁰ Sơ Tổ khai thị là đối với các tri kiến về pháp giới, nếu thuần túy dựa trên các sự diễn giải thì sẽ rất giới hạn và sẽ thuần là sản phẩm của kiến thức và tâm mê lầm. Chỉ khi nào thấu hiểu được rằng toàn bộ các hiện tượng trong luân hồi và niết bàn đều là sự hoạt hiện của tâm và thông suốt được tất cả mọi sự xuyên qua sự thể nhập bản tâm thì đó mới là tri kiến rốt ráo. (GR, KKT, RCD, KS)

⁷¹ Ba [Tri Kiến] Ví đại là Trung quán (*Madhyamaka*), Đại Thủ Ấn (*Mahamudra*) và Đại Toàn Thiện (*Dzogchen*). Sơ Tổ khai thị là sự chứng ngộ thậm thâm nhất sẽ không bị vướng mắc vào bất kỳ sự diễn giải, mô tả, định danh, gán đặt, niệm tưởng, hay quán sát nào, ngay cả của Ba [Tri kiến] Ví đại này. (GR, KKT, RCD, KS)

⁷² Sơ Tổ Jigten Sumgon khai thị ở đây là nếu chứng ngộ tánh không xuyên qua văn, tư, tu bình thường thì không phải là sự chứng ngộ rốt ráo. Nếu chấp vào văn tự và tham luyến các kinh nghiệm thiền định, như sự chói sáng, hỷ lạc và vô niệm thì không thể thâm nhập tánh không ở tầng tối thượng. (RCD, KS)

12. Tri kiến, thiền định và hành động không khác nhau mà đồng là một.⁷⁴
13. Đại thủ ấn và giới hạnh siêu xuất đều có chung một tinh túy.⁷⁵
14. Đại thủ ấn là cốt tủy của tất cả các phẩm hạnh [giác ngộ].
15. Tất cả các phẩm hạnh đều khởi hiện từ thiền định.⁷⁶
16. Nếu không thành tựu được các nhân [giác ngộ]⁷⁷ thì các phẩm hạnh chẳng thể nào sinh khởi.
17. Khi đã chứng ngộ tánh không thì [tánh không] sẽ hoạt hiện như là nhân và quả.⁷⁸

⁷³ Sơ Tổ khai thị rằng hành vi nào không vướng mắc vào tâm đối đãi giữa hai đầu, lấy hoặc bỏ thì đồng nghĩa với giới hạnh vì thân và khẩu không bị nhiễm bởi tham luyến hoặc sân hận. (RCD, KS)

⁷⁴ Sơ Tổ khai thị rằng thiền tức là huân tập sự chứng ngộ tri kiến và các hành động theo sau là để hỗ trợ cho sự chứng ngộ kia. Cho nên tri kiến, thiền và hành động tuy là ba khía cạnh khác nhau của đạo lộ giải thoát nhưng cốt tủy thì y như nhau. (RCD, KS)

⁷⁵ Sơ Tổ khai thị rằng một khi chứng ngộ được bản tâm thanh tịnh thì các giới hạnh và thiện hạnh vi tế nhất sẽ được thành tựu một cách tự nhiên trong khi tâm không mảy may vướng mắc vào chuyện lấy hay bỏ, không chấp vào hai đầu thiện ác. (KS)

⁷⁶ Thiền chỉ (thiền an định) và thiền quán (thiền minh sát). Sơ Tổ khai thị rằng do bởi đã thể nhập tánh không, nên sau khi xả thiền, trong đời sống hằng ngày, hành giả tự nhiên phát khởi lòng từ bi vô lượng vì thương xót cho những chúng sinh khác khi thấy họ chưa chứng được tánh không. (KS)

⁷⁷ Các nhân giác ngộ ở đây bao gồm việc tích lũy hai bồ phước huệ--nếu không thành tựu con đường tư lương thì chẳng thể nào thành tựu thiền định và không thành tựu thiền định thì không thể có được các phẩm hạnh giác ngộ. (KS)

18. Ngay cả những ai đã chứng ngộ Đại thủ ấn thì vẫn cần [noi theo] con đường của các phương tiện thiện xảo.⁷⁹
19. Giới hạnh là các hành vi đúng đắn tuyệt hảo.⁸⁰
20. Nếu không [trưởng dưỡng] ba pháp tu⁸¹ thì sẽ chẳng khác nào chư Thanh văn và Duyên giác.

Trên đây là phần thứ sáu: kết tập những điểm tinh yếu về tri kiến, thiền định và hành động.

⁷⁸ Sơ Tổ khai thị rằng một người thực sự đã thể nhập tánh không thì cũng sẽ thấu triệt và hành xử đúng đắn theo đúng sự vận hành của nhân và quả. (GR, RCD, KS)

⁷⁹ Đại sư Rigdzin Chokyi Dragpa giải thích phương tiện thiện xảo bao gồm sáu pháp du già của Naropa. Khenpo Samdup giải thích các phương tiện thiện xảo bao gồm lục độ ba la mật và sáu pháp du già của Naropa. (RCD, KS)

⁸⁰ Sơ Tổ khai thị rằng giới hạnh đơn thuần là các hành vi dựa vào trí tuệ, không bị ô nhiễm bởi tâm thức tiêu cực. (KS)

⁸¹ Ba pháp tu ở đây bao gồm: giới hạnh hoàn toàn thanh tịnh, nguyện thành tựu đại giác ngộ và nguyện làm lợi lạc chúng sinh xuyên qua lòng từ bi. Ở đây Sơ Tổ khai thị là ngay cả nếu một hành giả đã hoàn toàn xả ly, ngày đêm chỉ nhất tâm thiền định và đạt được cảnh giới vô niệm nhưng không noi theo ba pháp tu thì sẽ bị rơi vào cảnh giới của chư Thanh văn và Duyên giác. (RCD, KT, KS)

Phần BẢY: PHẬT QUẢ

1. Trong cảnh giới của Phật quả thì hai chân lý [hợp nhất] bất khả phân.⁸²
2. Tuệ giác toàn tri là sự bất nhị, siêu vượt mọi cực đoan.
3. [Cảnh giới của Phật] siêu vượt các hiện tượng như huyền.
4. Đức Phật trú nơi sự thông suốt rõ biết trong mọi thời gian không gián đoạn.
5. Chắc chắn kết quả của sự xa lìa [các che chướng] là [sự hiển lộ] của tuệ giác nguyên sơ.
6. [Đồng hành với] Pháp thân là các phẩm hạnh và các hành động [của] công hạnh giác ngộ.⁸³
7. Bồ đề tâm vẫn [tiếp tục] ứng hiện ngay cả trong cảnh giới của Phật quả tối thắng.⁸⁴
8. Tâm viên giác cũng ứng hiện ngay nơi thường kiến (tri kiến chấp có) và đoạn kiến (tri kiến chấp không).⁸⁵

⁸² Sư Tổ khai thị là chân lý tương đối (nhân quả) và chân lý viên mãn (tánh không) là một sự hợp nhất không thể tách lìa. (RCD, KS)

⁸³ Đây là nói đến các sự hoạt hiện để đem lại lợi lạc cho chúng sinh của Báo thân và Ứng hóa thân khi đã đạt được Pháp thân. (RCD, KS)

⁸⁴ Sư Tổ khai thị rằng chư Phật toàn giác đến từ lòng từ bi và tâm giác ngộ, nên sau khi đạt được Pháp thân, các ngài không nhập niết bàn mà tiếp tục làm lợi lạc chúng sinh xuyên qua sự hoạt dụng của Báo thân và Ứng hóa thân. Do đó, sự trưởng dưỡng tâm giác ngộ vẫn tiếp tục hiện hữu không gián đoạn. (GR, KS)

⁸⁵ Sư Tổ khai thị rằng trí tuệ bất nhị của một vị Phật rõ biết các hiện tượng và căn cơ sâu cạn của mọi chúng sinh nên có thể ứng hiện

9. Các công hạnh của Phật là một sự hoạt dụng trải rộng khắp vạn pháp.⁸⁶
10. Chắc chắn rằng [sự thành tựu] giác ngộ [của một vị Phật] phải trùm khắp toàn bộ pháp giới.⁸⁷
11. Các hiện thân⁸⁸ chẳng thể nào có thể hóa hiện nếu không có được các nhân [tương ứng]; mỗi hiện thân đều đến từ một dòng [nhân duyên] tương tục.
12. Sắc tướng của một vị Phật khởi hiện xuyên qua sự tương duyên.⁸⁹

dù dưới bất cứ hình thức hay với bất kỳ tri kiến nào cốt để hóa độ những chúng sinh cần độ. (KS)

⁸⁶ Ở đây Sơ Tổ khai thị rằng tâm viên giác của một vị Phật có thể biến hiện trở thành bất cứ điều gì, trong bất kỳ thân nào (dù là Pháp thân, Báo thân hay Ứng hóa thân**), trong bất cứ hình thức nào, dưới bất kỳ khía cạnh nào, nếu đó là những gì chúng sinh cần, với mục đích hỗ trợ thân và tâm của chúng sinh, hoặc miễn là đem lại được lợi ích cho chúng sinh.

**Trong Phật giáo Tây Tạng, Ứng hóa thân gồm ba loại khác nhau: (1) một cách tự nhiên như cây cối, mây mưa, hoa màu, (2) được kiến tạo như bảo tháp, tôn tượng, đường xá, nhà cửa, và (3) trở lại luân hồi với nguyện độ sinh như đạo sư, lạ ma, hoặc trong các thân tướng tương ứng với chúng sinh trong sáu cõi. (GR, KS)

⁸⁷ Sơ Tổ khai thị là khi đã thành tựu Phật quả thì không chỉ an trú nơi cõi tịnh độ của riêng mình mà các công hạnh sẽ trở nên vô giới hạn nơi các cõi tịnh lẫn các cõi bất tịnh. Giác ngộ là triệt ngộ tánh đại bình đẳng của vạn pháp, nên khi thành Phật thì sẽ thấu biết và đồng lúc hóa hiện không ngăn ngại trong mọi hình tướng, ở mọi nơi, trùm khắp mọi khía cạnh trong toàn bộ pháp giới. (GR, KT, KS)

⁸⁸ Gồm các hiện thân khác nhau của Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác, phàm phu. (KS)

⁸⁹ Ở đây Sơ Tổ khai thị là tuy tâm Phật không sinh không diệt nhưng một vị Phật có thể mang các sắc tướng khác nhau tùy vào sự phóng

13. Chắc chắn rằng Bồ đề tâm nguyện và Bồ đề tâm hạnh là nhân của Báo thân và Ứng hóa thân.
14. Cả ba thân đều [đồng lúc] hiện hữu cùng nhau, không tách biệt.
15. Tất cả chư Phật đều nằm trong dòng tâm thức của chúng sinh.⁹⁰

Trên đây là phần thứ bảy: kết tập những điểm tinh yếu của Phật quả.



Bảy phần chính yếu trong chánh văn “Gong Chik” gồm 152 câu khai thị của Sư Tổ Kyobpa Jigten Sumgon, được Tâm Bảo Đàn (Konchog Changchup Drolma) tạm dịch qua Việt ngữ vào tháng 7 năm 2015 dưới tựa đề “Gong Chik – Cùng Một Tâm Giải Thoát” để chuẩn bị cho pháp hội do Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche đời thứ Sáu, Tenzin Thrinley Lhundrub (tức Tổ đời thứ 37 của dòng truyền thừa Drikung Kagyu) chủ trì tại Việt Nam năm 2015.

Bản Việt ngữ dựa trên sự tham khảo và đối chiếu với các bản Anh ngữ khác nhau của Thầy K.K. Tamphel (KTT), Otter Verlag (OV) và Mark Riege (MR). Các bản dịch Anh ngữ đều có ít nhiều sai biệt. Phần sơ lược về “Gong Chik” được soạn dựa vào lời kể của Sư Tổ Drikung

chiếu của chúng sinh hay sự mong cầu của hàng đệ tử. Ví như Pháp thân giống như khuôn mặt thật của đấng giác ngộ, tâm của chúng sinh giống như một tấm gương phóng chiếu, khi khuôn mặt hiện ra nơi tấm gương soi thì đây chính là sự hóa thiện của các Báo thân và Hóa thân. (RCG, KS)

⁹⁰ Tựu chung Sư Tổ Jigten Sumgon khai thị rằng tất cả chư Phật vốn là chúng sinh, tất cả chúng sinh đều là Phật và quả vị Phật đến từ sự tịnh hóa tâm thức của mỗi chúng sinh. (GR, KTT, RCD, KS, KT)

Kyabgon Chetsang Rinpoche, Thầy Khenpo Tsultrim và từ thông tin của trang nhà www.treasuryoflives.org.

Các chú giải của bản Việt ngữ được kết hợp từ các khai thị khẩu truyền của Đại sư Garchen Rinpoche (GR) cùng các diễn giải của Đại sư Rigdzin Chokyi Dragpa (RCD) tức Sư Tổ Drikung Kyabgon Chungtsang đời thứ Nhất (pháp hiệu Drikung Dharmakirti), Thầy Khenpo Samdup (KS) và Thầy Khenpo Tsultrim (KT). Bản Việt ngữ kết hợp một số góp ý từ Thầy Konchog Dorje Dudul và Konchog Choedron.

Đối trước Sư Tổ Kyobpa Jigten Sumgon và chư Thầy Tổ, con xin chí thành sám hối mọi mê lầm và sai sót trong khi chuyển Việt ngữ. Nguyên giáo lý và tinh túy của “Gong Chik” đời đời chiếu sáng!

Tham khảo:

- (1) Khenpo, Samdup. Translated by Mark Riege. Edited by Kay Candler. *Clarifying the Central Thoughts on the Single Intention: A Commentary on Jigten Sumgon’s Gongchig by Khenpo Samdup*. Ohio: Gar Drolma Buddhist Center, 2014.
- (2) K.K.Tamphel. Edited by Kay Candler. *The Root Verses of the Sublime Dharma: Same Intent*. Undated version.
- (3) Verlag, Otter. *Gongchig: The Single Intent, the Sacred Dharma. With commentary entitled The Lamp Dispelling the Darkness by Ridgzin Chokyi Dragpa*. Dusseldorf: Tara Foundation, 2009.



Sơ Tổ khai lập dòng truyền thừa Drikung Kagyu
Pháp Vương Kyobpa Jigten Sumgon - Ratnashri
(1143 – 1217)

“TEN NYING”
Tinh Túy Giáo Lý
Đại Thừa



Các khai thị về trình tự của đường tu giải thoát
Pháp Vương Jigten Sumgon

Sơ lược về “TEN NYING”

Tựa đề Phạn ngữ: ***Mahāyānaśāsanānītehrīdayanāma***

Tựa đề Tạng ngữ: ***Ten-Nying***

(là tên tắt của ***Theg-chen Bstan-pa’l Snying-po***)

Các giáo lý trong “*Ten Nying*” (đôi khi tiếng Anh còn viết là “*Theg Nying*”) là tập hợp những khai thị tâm yếu của Pháp Vương Jigten Sumgon về trình tự của đường tu giải thoát trong Phật đạo.

“*Ten Nying*” được xem như là một trong những tài liệu cô đọng về *lam rim* hay *ngondro*, hướng dẫn con đường huân tu từng bước. Tài liệu này đã được đại sư Ngoje Repa Zhedang Dorje (sau này còn được gọi là Balbu Gon Pa sau khi đã khai lập tự viện Balbu Gon) ghi chép lại từ những lời khai thị khẩu truyền của Sơ Tổ Jigten Sumgon.

Có một câu chuyện đã lưu truyền, rằng vào thời điểm Sơ Tổ Jigten Sumgon còn sinh tiền, Ngoje Repa là một vị học giả và luận sư danh tiếng thuộc dòng Sakya. Ngài đã phản bác và chỉ trích gắt gao những giáo lý thâm diệu mà Sơ Tổ Jigten Sumgon đã khai thị trong “*Gong Chik*” (*xin xem phần sơ lược về “Gong Chik”*) và cuối cùng, đã quyết tâm tìm đến tổ đình Drikung Thil với mục đích duy nhất là tranh tài và biện luận với Sơ Tổ.

Nhưng khi vừa nhìn thấy Sơ Tổ thì ngài Ngoje Repa cảm thấy rúng động tận đáy lòng, cảm nhận như mình đích thực vừa gặp được Đức Phật Thích Ca. Ngài chưa kịp cất tiếng hỏi thì Sơ Tổ đã lên tiếng trước, đã thông tất cả những vướng mắc của ngài về các khai thị trong “*Gong Chik,*” khiến ngài hoàn toàn tâm phục khẩu phục. Sau đó, ngài đã xin xuất gia tại tổ đình Drikung Thil và được Sơ Tổ ban cho pháp hiệu Zhedang Dorje. Tài liệu “*Ten Nying*” và một số luận giải khác đã được ngài ghi chép lại từ những lời khai thị của Sơ Tổ như một sự sám hối và cũng để đáp lại lòng từ của Sơ Tổ đối với ngài.



Quy ngưỡng

Chí tâm đánh lễ chư Phật và chư Bồ tát

PHẦN 1. BỐN GIÁO HUẤN

1.1 Tìm Đạo Sư

Hãy đi tìm một vị minh sư với đầy đủ phẩm hạnh,
[là người] có thể chỉ cho ta con đường tâm linh chân chính.

1.2 Nương tựa Đạo Sư

Với lòng quy ngưỡng chí thành không hề buông lung,
hãy tu tập các giáo huấn của Đức Phật—bậc Đạo Sư.

1.3 Làm thế nào để Đạo Sư hoan hỷ

Hãy kính quý [Đạo Sư] bằng cách [cúng dường] các
phẩm vật,
phụng sự ngài qua thân, khẩu và qua hành trì.
Hãy tránh xa sự đắm chìm trong lười biếng,
và hãy lắng nghe và tư duy những điều có nghĩa lý.

1.4 Làm thế nào để hành trì

Đã tìm thấy giáo pháp của chân lý thâm diệu,
hãy hành trì nơi ẩn thất.
Hãy miên mật ở một nơi như thế--
nơi có đầy đủ các phẩm hạnh tuyệt vời.
Hãy ngồi thẳng lưng và khoanh chân [tọa thiền],
và phát khởi chánh niệm—tỉnh giác.

PHẦN 2. TỪ BỎ NHỮNG LỖI LẦM CỦA [NGƯỜI TU ĐẠO]

2.1 Thiền định về cái chết và vô thường

Khi bị lôi cuốn vào màn kịch của cuộc đời này, hãy nhớ nghĩ đến vô thường và cái chết như một phương pháp đối trị.

2.2 Quán chiếu về thân người hiếm quý khó tìm

Thân này nay có được là nhờ vào phước đức [đã tích lũy trong quá khứ], sẽ khó lòng tìm được các tự do và thuận duyên trong kiếp vị lai.

2.3 Nghiệp, nhân và quả

Chẳng có gì xảy ra một cách tùy tiện, tất cả đều bị cuốn phăng theo nghiệp lực. Các hành động thiện lành hay tiêu cực sẽ theo đó mà trở quả, thành hạnh phúc hoặc khổ đau.

2.4 Quán chiếu về những khổ não trong luân hồi

Cõi địa ngục, ngạ quỷ, và cũng như thế, cõi súc sinh, các cõi người, A tu la và chư Thiên— dù sinh ra ở bất kỳ nơi đâu, chúng ta phải trải nghiệm sự thiêu đốt kinh hồn, băng giá, đói và khát, trải nghiệm sự ngu xuẩn và sự bất lực chẳng thể tỏ bày, phải trải qua sinh, [già, bệnh] và chết. Chúng sinh bị hành hạ bởi những thống khổ do chiến tranh gây ra, phải chiến đấu, rồi trải qua chết chóc và sự chuyển kiếp.

PHẦN 3. BỐN PHÁP HUÂN TU

3.1 Quy y

Cội nguồn quy y của chúng sinh là Tam bảo,
gốc rễ của giáo lý vô song,
là nơi nương tựa thường hằng, kho trân châu ngọc báu,
là đấng gia ơn bảo vệ được ta.

Ba thừa được khai sáng nhờ vào giới đức chân chính.

Tinh túy của các giới quy y, lợi ích của quy y,
phạm giới là như thế nào, làm thế nào để thọ giới,
[tất cả] đều được chỉ bày.

3.2 Biết giải thoát giới

Với tâm nguyện lìa bỏ [các độc],
hãy sử dụng phương tiện đối trị
gồm có bảy giới biết giải thoát.

3.2.1 *Làm thế nào để thọ giới*

[Hãy thọ lãnh giới pháp] từ một ruộng quy y thanh tịnh
với một động lực xả ly.

3.2.2 *Lợi lạc của việc thọ giới*

Nếu con thọ các giới nguyện [quy y], không hề vi phạm,
Con sẽ trở thành chiếc bình chứa của tất cả các phẩm
hạnh thuần khiết.

3.2.3 *Phục hồi giới*

Nếu con phạm [giới], hãy phục hồi giới.

Hãy rõ biết các giới nguyện sẽ [đồng hành] cùng con
trong thời gian bao lâu,
và thời điểm mà con thọ giới.

3.3 Bồ tát giới

Không tham cầu tái sinh vào cõi cao trong luân hồi, hoặc vào cảnh giới của chư Thanh văn và Duyên giác, thay vào đó, hãy khát khao đạt được toàn giác như một vị Phật.

Vì thế, hạt giống con cần, không thể thiếu, chính là Bồ đề tâm.

3.3.1 *Làm thế nào để phát khởi Bồ đề tâm*

Hãy nuôi dưỡng cảm giác tất cả chúng sinh đều là chính ta,

hãy nhận biết tất cả chúng sinh đã từng là mẹ hiền của ta, hãy trân trọng lòng từ của họ;

tình yêu thương và bi mẫn sẽ phát sinh.

Qua đó, Bồ đề tâm thuần khiết và trân quý sẽ hiển lộ.

3.3.2 *Nhân của Bồ đề tâm*

Tâm bồ đề đến từ [hai] nhân tố: [tâm ấy] vốn sẵn có, và càng ngày càng được vun bồi.

3.3.3 *Tinh túy của tâm giác ngộ*

Với động lực từ bi, vì lợi lạc của muôn loài, hãy nỗ lực đạt đến chánh giác.

Với khát khao cầu tìm giác ngộ,

hãy trưởng dưỡng tâm nguyện [vị tha],

hãy phát Bồ đề tâm hạnh,

là căn nguyên của mọi điều thiện lành.

3.3.4 *Phân loại Bồ đề tâm*

Hãy rõ biết sự phân loại của các địa,

các phẩm hạnh, các con đường tu và các giới của [Bồ đề tâm] nguyện và [Bồ đề tâm] hạnh.

3.3.5 Làm thế nào để thọ giới

Hãy thọ lãnh [giới pháp] từ một vị minh sư,
người trì giữ dòng truyền thừa khởi từ Đức Phật.

3.3.6 Lợi lạc của Bồ đề tâm

Lợi lạc của điều này bao la như không gian vô biên.
Sự tích lũy [công đức] sẽ được hoàn thiện,
chúng ta sẽ bước vào pháp du già của Đại thừa,
và ba chướng ngại sẽ được xua tan.
[Thiện hạnh sẽ trở nên] bao la
và nhờ có được Bồ đề tâm,
con sẽ trở thành trưởng tử của Phật.
[Tâm ấy] sẽ đưa con tiến xa,
đến những cảnh giới hạnh phúc hơn,
và con sẽ trở thành [đấng] chiến thắng.

3.4 Pháp tu của Bồ tát

Do đó, hãy tích lũy công đức,
luôn nhớ nghĩ đến [nguồn gốc quy y],
hãy nỗ lực để [phước đức và trí huệ] tăng trưởng,
và hãy tịnh hóa [các chướng ngại].

3.4.1 Bồ đề tâm nguyện: Hướng tâm, tăng trưởng và tịnh hóa

Không được bỏ rơi bất kỳ chúng sinh nào,
hãy từ bỏ bốn sai lầm⁹¹ và thực hành bốn pháp tu.⁹²

⁹¹ Bốn sai lầm bao gồm những điều đi ngược lại với bốn pháp tu được giải thích ở chú thích dưới đây. (KS)

⁹² Bốn pháp tu gồm: (1) tích lũy phước đức và trí huệ, (2) luôn nhắc nhở bản thân về lợi lạc của Bồ đề tâm, (3) thực hành các pháp tu bảy nhánh gồm lễ lạy, sám hối, cúng dường, tùy hỷ, v.v. và (4) không được phạm các ác nghiệp và không được bỏ rơi chúng sinh. (KS)

3.4.2 Bồ đề tâm hạnh: Giới hạnh

Hãy chân thành thực hành [ba] giới hạnh:

- (1) Tránh làm điều dữ
- (2) Làm lợi lạc chúng hữu tình
- (3) Và tích lũy pháp thanh tịnh

3.4.2.1 Từ bỏ mọi ác hạnh

Khi bị sai sử bởi một cảm xúc tiêu cực mãnh liệt, [là vi phạm] ngay gốc rễ...

Nếu phạm vào các sa đọa bán phần,⁹³ là vi phạm các [giới nguyện] phụ.⁹⁴

⁹³ Các sa đọa sẽ được xem cắt đứt giới nguyện gốc của Bồ đề tâm khi mang các đặc tánh như sau: (1) bị sai xử bởi cảm xúc tiêu cực mãnh liệt và muốn làm ác, (2) không có tâm tầm quý, ân hận hay hối cải, (3) cảm thấy vui sướng khi làm ác (hoặc làm ác liên tục), (4) tin tưởng rằng sa đọa là việc nên làm. Thêm vào đó, nếu (1) khen mình và khinh người do tâm đố kỵ, (2) từ chối giảng pháp cho người chí tâm cầu pháp, (3) không tha thứ cho người đã xin lỗi mình sau khi họ phạm lỗi, và (4) không ban pháp đúng đắn hoặc chỉ dạy những gì không phải là chánh pháp. Nếu phạm các sa đọa mà thiếu một trong các điều trên thì có nghĩa là giới nguyện Bồ đề tâm chưa bị phá vỡ tận gốc và trong Tạng ngữ gọi đây là các sa đọa “bán phần” theo nghĩa là không phải đã vi phạm “toàn phần.” (KT, KS)

⁹⁴ Giới nguyện gốc là Bồ đề tâm. Các giới nguyện phụ gồm rất nhiều các giới khác nhau, ví dụ như không quy y Tam Bảo, không nhận biết các tâm thức ô nhiễm khi chúng khởi lên, không kính trọng đạo sư và các vị trưởng lão, dấu điểm các lỗi lầm của mình, bám chấp vào thiên chấp, không giảng dạy về giáo lý của Thanh văn thừa cho những ai có căn cơ phù hợp, không thực hành các nghi lễ tẩy trừ chướng ngại cho người bệnh, v.v. (KS)

3.4.2.2 Thành tựu lợi lạc cho chúng sinh

[Bồ tát cần giúp đỡ tất cả chúng sinh, dù bất kỳ ai] người bình thường, người đã bước vào đường đạo, hay người ngoại đạo.

Ngay từ giây phút lập xong [lời thệ nguyện],
hãy thành tựu lợi lạc [của tất cả chúng hữu tình].

Nếu phạm giới, hãy sửa chữa lỗi lầm.

Hãy buông bỏ sự bám chấp vào tài sản và danh dự,
buông bỏ sự tham đắm năm dục lạc.

Hãy sống nơi ẩn thất, giữ thân, khẩu và ý thanh tịnh.

Sự cẩn trọng [tĩnh giác] là căn nguyên của tất cả các
giới hạnh toàn hảo.

Đừng coi thường chính mình.

Đừng nản lòng, và hãy phát khởi sự tinh tấn.

3.4.2.3 Thu thập pháp thanh tịnh

Mười con đường [thiện], sáu Ba la mật,
và bốn phương cách thu phục môn đồ.

3.4.2.3.1 Hoàn toàn buông bỏ điều ác và tu tập điều thiện

Hãy dứt trừ mười [ác hạnh]

và tu tập mười con đường [thiện] một cách toàn hảo.

3.4.2.3.2 Sáu Pháp Toàn Thiện (Sáu Ba La Mật)

Bồ thí, trì giới, và nhẫn nhục,

miên mật, thiền định và trí tuệ—[sáu] Ba la mật toàn hảo.

Sẽ đạt được các cảnh giới cao, và thọ hưởng an vui,

có được [tài sản], dung mạo đoan nghiêm,

và sức thu phục vĩ đại.

Sẽ tìm được sự an tịnh, được giải thoát, và đạt được

đạo quả,

cùng với tất cả các phẩm hạnh giác ngộ tối hảo.

3.4.2.3.3 Bốn phương cách thu phục đệ tử

Bố thí với chủ tâm [pháp thí],⁹⁵ nói lời từ hòa, làm lợi lạc khắp chúng sinh, và giữ giới hạnh phù hợp [với pháp]. [Nhờ thế,] chúng đệ tử sẽ trở thành những chiếc bình chứa thích hợp [để đón nhận giáo lý] và tín tâm của họ sẽ tăng trưởng. Lợi lạc [cho chúng sinh] sẽ viên mãn và quả vị sẽ thành tựu.

3.4.2.3.4 Hồi hướng

Để đạt được Phật quả toàn tri, [hãy hồi hướng thiện hạnh đã tích lũy xuyên qua] hành động, cùng [thiện hạnh đã vun bồi xuyên qua] sự tùy hỷ và khuyến tấn kẻ khác.

Tất cả thiện hạnh đã từng tích lũy trong ba thời sẽ dung chứa được toàn bộ luân hồi và niết bàn.

Nếu [thiện hạnh] được hồi hướng trọn vẹn, thành tựu sẽ khởi sinh.

Nếu không được hồi hướng, [thiện hạnh] sẽ tiêu tán.

Nếu hồi hướng thiện hạnh một cách sai lầm, quả sẽ trở tương ứng với động cơ.

Thế nên, hãy hồi hướng thiện hạnh cho Phật quả toàn giác.

3.4.2.3.5 Tiến hóa trên đạo lộ và các giai đoạn thành tựu

Cũng thế, vượt thoát cõi sinh tử trầm luân và đạt đến các địa thanh tịnh.

Thâm nhập mười [địa], đạt được quả vị của vô lượng đại kiếp.

⁹⁵ Sơ Tổ khai thị là đạo sư có thể dùng phương tiện thiện xảo, ví dụ ban tặng phẩm cho đệ tử với mục đích đem đến sự an vui cho họ để sau đó có thể khuyến dụ và diễn bày giáo pháp cho họ nghe. (GR, KT, KS)

PHẦN 4. KIM CANG THỪA

Trong Tối thượng thừa của đại lạc, bất kỳ ai là người hành trì miên mật sẽ tức thời được độ thoát và được bảo vệ.

4.1 Quán đảnh thuần thục

[Đạo Sư cần phải] thâm nhập Mật điển, thấm thấu sự hiệu lực và oai lực của chân lý thâm sâu.

4.1.1 *Phẩm hạnh của Đạo Sư (không có chánh văn)*

4.1.2 *Đức hạnh của người đệ tử (không có chánh văn)*

4.1.3 *Quán đảnh*

Từ ngữ *abhisheka*⁹⁶ nghĩa là tẩy tịnh và rưới vào. Có tất cả bốn giai đoạn khi quán đảnh.

Quán đảnh làm thành tựu ước nguyện và mong cầu.

Nếu không thọ quán đảnh, sẽ không có được quả vị thành tựu.

Khi thọ quán đảnh, hãy lập nguyện bằng những lời phát thệ thiêng liêng,

rằng ta sẽ không bao giờ vi phạm hứa nguyện.

4.1.4 *Mật giới*

[Cần phải giữ] các mật giới gốc, mật giới phụ, và [tất cả các mật giới] khác.

Xuyên qua việc trì giữ mật giới, tất cả lợi lạc và hạnh phúc sẽ viên mãn.

Xuyên qua việc vi phạm mật giới, sẽ phải đọa sinh xuống những cõi thấp.

Do đó, hãy bảo vệ mật giới bằng chính mạng sống của mình, và biết rõ khi nào [mật giới được thọ lãnh và bị vi phạm].

⁹⁶ Phạn: *abhisheka*. Âm Việt: *A bi sê ca*.

4.2 Giáo lý về Năm nhánh [Đại thủ ấn]

Hãy thiền định về tinh túy của các giáo lý xuyên qua những điểm [trọng yếu] của giải thoát. Phương tiện thiện xảo tối thắng là hiện thân của đấng [Bổn tôn] với Bồ đề tâm thanh tịnh, viên ngọc như ý giữa bầu trời vô giới hạn, dòng sông tuôn chảy của tánh bất nhị, nơi có kho tàng quý giá của các thiện hạnh.

4.2.1 *Bồ đề tâm*

Tâm [Bồ đề] trân quý của tình yêu thương và lòng bi mẫn, bát ngát như hư không bất tận. Bất kỳ điều gì đến từ tâm Bồ đề cũng sẽ hóa thành chính tâm ấy; Bất kỳ điều gì được hồi hướng đến tâm Bồ đề cũng sẽ đều thành tựu.

4.2.2 *Thiền quán về Bổn tôn*

[Bổn tôn là] tinh túy đích thực của Mật điển, như Đức [Bổn tôn] Bí Mật Tập Hội, vốn luôn sẵn có từ nguyên thủy. [Bổn tôn] hoạt hiện từ Bồ đề tâm, an trú nơi định, thông suốt và thuần tịnh.

4.2.2.1 *Niềm kiêu hãnh thiêng liêng* (không có chánh văn)

4.2.2.2 *Quán tưởng tượng tận* (không có chánh văn)

4.2.2.3 *Tưởng nhớ sự thuần tịnh*

Hãy tu tập trong ẩn dật và khơi sáng tâm giác ngộ bằng công phu trì chú [của Bổn tôn]. Qua đó, con sẽ thành tựu tự tánh chân như.

Nếu không có [Mật chú], sẽ không có quả vị thành tựu.
Có [Mật chú], đạo quả sẽ viên thành.

4.2.3 Đạo Sư du già

[Đạo Sư chính là] cội gốc của các quả vị thành tựu,
là vua của các quán đảnh.

Hãy xem Đạo Sư như một vị Phật đích thực,
là kho báu của ba thân.

Hãy có lòng quy ngưỡng siêu phàm đối với Đạo Sư,
[hãy] bất khả phân [với ngài].

Hãy an trú vững chãi ở ba nơi,⁹⁷
như kẻ mù lòa tìm thấy ánh sáng,
con sẽ được giải thoát và đạt được Phật quả toàn giác.

4.2.4 Đại thủ ấn

Từ khởi thủy vốn không sinh, như bầu trời, không do
duyên sinh.

Vốn thanh tịnh nguyên sơ, bất phân ly⁹⁸ – là tinh túy
của Đại thủ ấn.

Chứng ngộ sẽ cho con sự tự do;

Bám chấp sẽ giữ con ngụp lặn trong luân hồi.

Độc tố là cam lộ; tâm thức ô nhiễm là trí huệ.

⁹⁷ Nếu muốn tích lũy công đức thì quán Đạo Sư ở trên đỉnh đầu; nếu muốn thể nhập chân tánh thì quán Đạo Sư ở ngay tim; nếu muốn tịnh hóa lỗi lầm thì quán Đạo Sư ở ngay rốn. (KS)

⁹⁸ Ý nói sự chứng ngộ tánh bất nhị của vạn pháp, không bám chấp vào sự khác biệt giữa tịnh và bất tịnh, giữa luân hồi và niết bàn, giữa chân lý tương đối và chân lý rốt ráo, giữa thiên định và hậu thiên định (giữa lúc công phu và sau khi xả thiền), v.v. (GR, KS)

4.2.5 Hồi hương

[Qua sự hồi hương], các nghịch duyên của các sai lầm sẽ được tịnh hóa.

Sự [hồi hương] là một kho báu [rộng như] hư không, làm viên mãn tất cả các ước nguyện và những gì cần thiết.

4.2.6 Quả vị tối thượng

Sáu [Ba la mật], bốn [phương cách thu phục đệ tử], cùng tất cả các pháp [dẫn đến] giác ngộ đều sẽ được hoàn thiện.

Đi xuyên qua các đạo lộ và các địa, [sẽ đạt đến] cảnh giới của vô trụ xứ niết bàn, không kẹt vào [một trong hai cực đoan].

Những ai được gọi là chư Bồ tát, [là] thể hiện của chư Như lai, chư Phật đà.

Những ai đã ngộ tánh nhưng thiếu tinh tấn, vẫn có thể thoát khỏi [tâm đối đãi],

không chấp lấy hay chấp bỏ trong thân trung ấm, và sẽ đạt được Pháp thân bất nhị, thoát khỏi mọi ô nhiễm của ba chương ngại.

Chân lý tối thượng, sự an tịnh trùm khắp, thoát khỏi mọi khái niệm, như hư không.

Pháp thân và Báo thân, và vô lượng Ứng hóa thân, sẽ hóa hiện theo nguyện ước của chúng sinh.

Không khái niệm tạo tác, như viên ngọc như ý, suối nguồn của các hoạt động giác ngộ sẽ tuôn chảy.

Siêu vượt cực đoan, toàn tri, không do duyên sinh, và là sự rõ biết của trí huệ thanh tịnh.

Những phẩm hạnh giác ngộ tựa hoa mãn khai, như mười trí lực, [bốn loại] vô sở úy,

và [mười tám] pháp bất cộng.⁹⁹

Trang nghiêm với những tướng hảo và vẻ đẹp của một vị Phật toàn giác.

Như trăng soi bóng nước,

những công hạnh giác ngộ

sẽ tự nhiên hoạt hiện không gián đoạn.

Kết thúc

Đây chính là tinh túy, là đạo lý của toàn bộ Phật pháp.

Toàn bộ sự kết tập các giáo huấn của Đức Phật,

gồm Kinh điển, Mật điển, Luận giải,

và các giáo huấn khẩu truyền,

đã kết hợp hài hòa thành cam lộ của chân lý thâm diệu,

bao gồm nền tảng, đạo và quả.

Qua công đức điển bày [những điều này],

nguyện tất cả chúng sinh vô lượng như hư không

đạt được Phật quả toàn tri—là [đạo quả] của hai sự

thuần tịnh.¹⁰⁰

⁹⁹ Mười thứ trí lực, bốn sự không sợ hãi và mười tám phẩm hạnh đặc thù mà chỉ có một vị Phật mới có được đầy đủ. (KS)

¹⁰⁰ Sự thuần tịnh của Phật tánh vốn sẵn có và sự thuần tịnh xuyên qua công phu tịnh hóa các tâm thức ô nhiễm nhất thời. (GR, KS)

Tập hợp các giáo lý khẩu truyền “Ten Nying” của Sơ Tổ Kyobpa Jigten Sumgon được Tâm Bảo Đàn (Konchog Changchup Drolma) tạm dịch qua Việt ngữ vào tháng 7 năm 2015 dưới tựa đề “Tinh Túy Giáo Lý Đại Thừa” để chuẩn bị cho pháp hội do Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche đời thứ Sáu, Tenzin Thrinley Lhundrub (tức Tổ đời thứ 37 của dòng truyền thừa Drikung Kagyu) chủ trì tại Việt Nam năm 2015. Phần sơ lược về “Ten Nying” đã được soạn dựa vào lời kể của Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche và Thầy Khenpo Tsultrim, cũng như từ thông tin của trang nhà www.treasuryoflives.org.

Bản Việt ngữ và các chú thích dựa trên sự tham khảo và đối chiếu với bản Anh ngữ do Thầy Khenpo Samdup (KS) diễn giải, kết hợp với các khai thị khẩu truyền của Đại sư Garchen Rinpoche (GR) và các lời giải thích của Thầy Khenpo Tsultrim (KT). Trong một số trường hợp, các lời khai thị, diễn giải và giải thích có ít nhiều khác biệt, không hoàn toàn tương đồng.

Đối trước Sơ Tổ Kyobpa Jigten Sumgon và chư Thầy Tổ, con xin chí thành sám hối mọi mê lầm và sai sót trong khi chuyển Việt ngữ. Nguyên giáo lý và tinh túy của “Ten Nying” đời đời chiếu sáng!

Tham khảo:

(1) Khenpo, Samdup. Translated by Vanessa Kubota. Edited by Kay Candler. *A Concise Explanation of Jigten Sumgon's Essence of Mahayana Teachings*. Ohio: Gar Drolma Buddhist Center, 2015.

*Bồ đề tâm vương,
tâm tối thượng,
tâm vô cùng trân quý,
Nơi tâm ấy chưa sinh,
xin cho tâm ấy nảy sinh.
Nơi tâm ấy đã sinh,
xin cho tâm ấy đừng bao giờ
thoái chuyển,
Mà vĩnh viễn mỗi ngày
một vươn lên,
vươn lên cao hơn.*



Chơn pháp Nguyễn Hữu Hiệu chuyển Việt ngữ.

(Tiếp theo trang bìa trước)

tâm thức. Nhưng ngay khi ấy, ngài bất chợt thấy cơn bệnh thoát ra khỏi người như những luồng khói ám. Ngài chứng quả Phật khi vừa tròn 35 tuổi. Qua đêm, ngài đã khỏi bệnh và được người đời đặt cho biệt danh “*người khỏi bệnh phong cùi trong mơ.*” Sau đó ngài thường đi khắp nơi giảng dạy cho dân làng cách phát lòng đại từ bi để tự chữa bệnh cho bản thân họ. Ngài nổi tiếng là người với tâm Bồ đề vĩ đại, là “*vua của các yogi*” (*hành giả du già*), là người đã triệt ngộ lý duyên sinh và thâm nhập Đại thủ ấn (*Mahamudra*). Sau khi quay trở về lại tu viện của ngài Phagmodrupa, đức Jigten Sumgon quyết định làm lễ thể phát xuất gia theo như lời dặn của ân sư. Ngài khai lập Tổ đình Drikung Thil vào năm 37 tuổi, và từ đó trở đi, hàng môn đồ tìm đến cầu học nơi ngài đã lên đến hàng trăm ngàn người.

Dòng Drikung Kagyu rất nổi tiếng với đại pháp *Phowa* chuyển di tâm thức và các pháp *Sáu Du Già của Naropa*. Ngoài ra Sơ Tổ còn đặc biệt được biết đến qua tài liệu khai thị rất thâm thúy mang tên “*Gong Chik,*” chỉ ra sự chung nhất của tất cả các thừa trong Phật đạo, và ngài chuyên hướng dẫn đệ tử tu tập theo một đạo lộ để thể nhập chân tâm mang tên *Năm nhánh Đại thủ ấn*, gồm có pháp Bồ đề tâm, Bốn tôn du già, Đạo sư du già, thiền Đại thủ ấn và hồi hướng công đức. Lúc sinh thời, Sơ Tổ cũng đã từng phái hàng chục ngàn đệ tử đến ẩn tu tại các ngọn núi thiêng Lapchi, Tsari và Kailash. Trước khi tiễn biệt họ, ngài luôn căn dặn rằng hãy ở lại đó tu tập cho đến khi sự chứng ngộ phát sinh và đừng tìm về lại Tổ đình khi chưa thành tựu. Ngày nay ở tại các linh địa ấy, nhất là tại Lapchi, các vị ẩn sĩ dòng Drikung vẫn tiếp tục theo truyền thống tu tập các pháp du già, đặc biệt là pháp nội hỏa (*tu mô*) và đạt được những chứng ngộ thậm thâm.

Trải qua hơn 836 năm cho đến nay, dòng truyền thừa Kagyu vẫn tiếp tục phát triển và lớn mạnh dưới sự dẫn đạo của hai vị đồng thủ ngôi là Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche (Dhera Dun, Ấn Độ) và Sư Tổ Drikung Kyabgon Chungtsang Rinpoche (Lhasa). Tại khắp nơi trên thế giới, từ Tây Tạng, Ấn Độ, Nepal, Đài Loan, Mã Lai, Hồng Kông, Nhật Bản, Singapore, đến Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Đức, Áo, Nga, Thụy Sĩ, Úc Đại Lợi, Do Thái, Tây Ban Nha, Tân Tây Lan, Hung Gia Lợi, Ukraine, Chí Lợi, vân vân, kể cả tại Việt Nam, đều có sự hiện diện của các trung tâm Phật giáo Drikung Kagyu trong nỗ lực hoằng dương chánh pháp.



Đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche